

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Chương trình số 02-CTr/BCĐTW ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về Chương trình công tác năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 (sau đây gọi tắt là Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030);

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy, tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Căn cứ Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 6113/TTr-CAT-PC06 ngày 26 tháng 5 năm 2026.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 – 2030, tầm nhìn đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (*sau đây gọi tắt là Kế hoạch thực hiện Đề án 06*).

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 3:** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục C06-Bộ Công an;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các hội, đoàn thể cấp tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Gia Lai;
- Các ĐVSN thuộc tỉnh;
- LĐ, CV VPUBND tỉnh;
- Phòng HC-TC;
- Lưu: VT, K9, PVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lâm Hải Giang**

## **KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 – 2030, tầm nhìn đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND  
ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích**

- Bám sát các văn bản chỉ đạo của Trung ương và Chính phủ, tiếp tục kế thừa, phát huy hiệu quả các kết quả tích cực từ Đề án 06 giai đoạn 2022 - 2025; đồng thời khắc phục những tồn tại, hạn chế; đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

- Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh, gắn với đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu về dân cư, căn cước, định danh và xác thực điện tử phục vụ giải quyết thủ tục hành chính (TTHC), phát triển kinh tế số, xã hội số và công dân số; khai thác hiệu quả dữ liệu dân cư để phát triển dịch vụ số, tạo giá trị gia tăng phục vụ người dân, doanh nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và cải cách hành chính.

- Huy động sự tham gia đồng bộ của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở; phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương, sự chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của người đứng đầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội; đồng thời khuyến khích sự tham gia tích cực của tổ chức, doanh nghiệp và người dân nhằm triển khai hiệu quả Đề án 06 trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

#### **2. Yêu cầu**

- Triển khai thống nhất, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở; xác định rõ chỉ tiêu, nhiệm vụ, lộ trình; phân công trách nhiệm cụ thể; bảo đảm chỉ đạo, điều hành tập trung, hiệu quả và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Bám sát định hướng, chỉ đạo của Trung ương và các chiến lược liên quan; tổ chức thực hiện Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030 theo nguyên tắc “5-3-3-2-1”<sup>1</sup>, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực chất.

<sup>1</sup> **5 trụ cột trọng tâm:** pháp lý, hạ tầng, dữ liệu, nguồn lực, an toàn - an ninh; triển khai ở **3 cấp chính quyền;** hướng đến **3 giá trị cốt lõi:** văn minh xã hội, phát triển kinh tế, phòng chống tội phạm; **2 nhóm chủ thể đồng hành:** nhà nước kiến tạo và khu vực tư nhân chủ động sáng tạo; **1 quyết tâm chính trị cao độ của người đứng đầu** trong toàn hệ thống.

- Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nêu cao vai trò trách nhiệm, quyết tâm trong tổ chức thực hiện; xây dựng kế hoạch bảo đảm nguyên tắc “6 rõ”, gắn với công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện.

- Lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm; các giải pháp, nền tảng, dịch vụ số bảo đảm thuận tiện, dễ tiếp cận, an toàn, góp phần nâng cao mức độ hài lòng.

- Phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, an toàn; bảo đảm kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả dữ liệu; tuân thủ các quy định về an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Kịp thời tháo gỡ khó khăn, xử lý “điểm nghẽn”; cập nhật, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế và chỉ đạo của cấp có thẩm quyền; gắn nhiệm vụ với chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá cụ thể.

## II. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu chung

- Thúc đẩy phát triển, ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử mạnh mẽ, toàn diện, sâu rộng trong mọi lĩnh vực để thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, phục vụ hiệu quả các trụ cột chính phủ số, kinh tế số, xã hội số góp phần thực hiện thành công các mục tiêu của Đảng, Chính phủ, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh<sup>2</sup>.

- Đến năm 2030, hoàn thiện các nền tảng, tiện ích cốt lõi của Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030, đảm bảo người dân, doanh nghiệp được thụ hưởng dịch vụ số thuận tiện, nhanh chóng, an toàn, không còn rào cản về giấy tờ, TTHC theo địa giới hành chính. Xây dựng thành công hệ sinh thái dữ liệu dân cư quốc gia kết nối liên thông đa ngành, dữ liệu “*đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung*” được khai thác hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu quản trị, điều hành của tỉnh, góp phần đưa Gia Lai trở thành tỉnh phát triển khá và cùng với cả nước vững vàng bước vào kỷ nguyên phát triển mới.

### 2. Mục tiêu cụ thể

- *Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030*: Tập trung triển khai 06 nhóm mục tiêu trọng tâm sau: <sup>(1)</sup>Phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và đổi mới sáng tạo chỉ đạo, điều hành; <sup>(2)</sup>Thúc đẩy phát triển kinh tế số - xã hội số; <sup>(3)</sup>Phục vụ phát triển công dân số; <sup>(4)</sup>Mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu; <sup>(5)</sup>Đảm bảo an sinh xã hội và phục vụ phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an

<sup>2</sup> Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất nhiệm kỳ 2025 – 2030; Kế hoạch 01-KH/BCĐTW ngày 02/6/2025 về hành động chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện; Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

toàn xã hội; <sup>(6)</sup>Phục vụ nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo (*Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Kế hoạch này*).

- *Tầm nhìn đến năm 2035*: Xây dựng Gia Lai trở thành một tỉnh phát triển bền vững, toàn diện về chuyển đổi số, trong đó mọi giao dịch giữa người dân và chính quyền đều được thực hiện trên môi trường số. Các cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia, với dữ liệu dân cư là hạt nhân, được kết nối, chia sẻ và sử dụng hiệu quả để phục vụ xây dựng Chính quyền thông minh, cho phép ra quyết định trên CSDL theo thời gian thực. Người dân được thụ hưởng các dịch vụ số thuận tiện, nhanh chóng, an toàn, không còn rào cản về giấy tờ. Dữ liệu và công nghệ số được ứng dụng sâu rộng trong mọi lĩnh vực: y tế, giáo dục, giao thông, nông nghiệp, tư pháp, an ninh,... Đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được nâng cao nhờ các tiện ích số. Văn hóa số, kỹ năng số trở thành phổ cập trong toàn xã hội.

### **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

#### **1. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về phát triển, cung cấp ứng dụng, dịch vụ số liên quan đến thông tin dân cư**

- Rà soát, đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hướng dẫn triển khai các văn bản luật để tháo gỡ các điểm nghẽn, cơ chế thúc đẩy, giám sát trong công tác quản lý nhà nước và phục vụ phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số.

- Tham mưu sửa đổi, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định về thúc đẩy, tạo lập, khai thác và sử dụng dữ liệu; ứng dụng dữ liệu trong giải quyết TTHC, dịch vụ công trực tuyến và phát triển kinh tế xã hội; phòng ngừa và xử phạt các hành vi vi phạm trong lĩnh vực dữ liệu; các văn bản hướng dẫn an toàn, an ninh thông tin và dữ liệu, bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Tổ chức triển khai thống nhất Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh theo các quy định, hướng dẫn kỹ thuật và kiến trúc của Trung ương; đẩy mạnh tích hợp, chia sẻ dữ liệu, áp dụng cơ chế đăng nhập một lần (SSO), bảo đảm người dân, doanh nghiệp sử dụng một tài khoản duy nhất khi truy cập các hệ thống thông tin.

#### **2. Phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến**

- Tập trung thực hiện việc tái cấu trúc, cắt giảm thành phần hồ sơ, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu; trong đó: thực hiện công bố thông tin có trong các CSDL; xây dựng Từ điển dữ liệu dùng chung, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung.

- Triển khai các sáng kiến, mở rộng các hình thức tiếp cận và sử dụng dịch vụ công, TTHC để tạo thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền cung cấp số liệu về kết quả cắt giảm, đơn giản hóa TTHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương cho các cơ quan truyền thông để công bố, công khai trên các phương tiện truyền thông.

### **3. Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội**

- Tập trung xây dựng các không gian thử nghiệm thực tế (sandbox) để cung cấp môi trường thử nghiệm, nghiên cứu, đánh giá sản phẩm, giải pháp mới, giao diện lập trình ứng dụng (API) và bộ dữ liệu mở, ấn danh về dân cư, căn cước, định danh.

- Triển khai thúc đẩy sử dụng tài khoản định danh điện tử trong các giao dịch, TTHC; ban hành các danh mục sản phẩm dịch vụ, các mô hình ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước, định danh điện tử, đặc biệt các nhóm ngành tác động đến kinh tế số trong các lĩnh vực như: tài chính, ngân hàng, nông nghiệp và môi trường, y tế, giáo dục, du lịch, logistics và thương mại điện tử.

- Nghiên cứu triển khai các giải pháp phục vụ xây dựng thành phố thông minh như “Bản sao số”, “Mô hình địa điểm số” kết nối, ứng dụng CSDL địa điểm, dữ liệu dân cư và danh tính điện tử, gắn với dữ liệu khác.

### **4. Phục vụ phát triển công dân số**

- Tập trung triển khai các giải pháp để công dân thực hiện các quyền và nghĩa vụ trên môi trường số như: Lấy ý kiến Nhân dân về các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được đăng tải; Quản lý khai thác, chia sẻ và giám sát việc khai thác, sử dụng dữ liệu công dân; Xây dựng ứng dụng VNeID thành nền tảng số quốc gia đa tiện ích phục vụ chuyển đổi số, phát triển công dân số: <sup>(1)</sup>Lưu trữ dữ liệu số của công dân; <sup>(2)</sup>Định danh xác thực điện tử; <sup>(3)</sup>Thực hiện dịch vụ công trực tuyến và giải quyết TTHC; <sup>(4)</sup>Liên kết tài khoản thanh toán, ví điện tử, thẻ ngân hàng, dịch vụ tiền di động trên ứng dụng VNeID để thực hiện thanh toán, chi trả an sinh xã hội; <sup>(5)</sup>Là kênh giao tiếp chính thức, đảm bảo an toàn, bảo mật, hiệu quả giữa người dân với Nhà nước, người dân với doanh nghiệp và người dân với người dân.

- Hoàn thiện việc tạo lập ví giấy tờ của công dân, tổ chức trên VNeID, tạo lập kho dữ liệu của công dân, tổ chức trên môi trường số theo quy định.

- Xây dựng các nền tảng số, cung cấp các tiện ích để thúc đẩy công dân thực hiện trên môi trường số; hoàn thiện các công cụ số cho công dân như: tài khoản định danh điện tử, căn cước, chữ ký số, tài khoản thanh toán...

- Triển khai các cơ chế khuyến khích đối với công dân khi thực hiện dịch vụ số, TTHC trực tuyến theo quy định.

- Đẩy mạnh tuyên truyền về kỹ năng số cho người dân, xây dựng chương trình đào tạo năng lực số theo các cấp độ phù hợp với từng nhóm đối tượng; đồng thời, tích hợp nội dung giáo dục công dân số vào chương trình giáo dục chính quy các cấp học, bậc học và chương trình giáo dục chính trị, tư tưởng trong hệ thống chính trị, bảo đảm tính thống nhất, hiệu quả và khả thi; triển khai các khóa đào tạo công dân số trên nền tảng “Bình dân học vụ số”; triển khai các Tổ Công nghệ số cộng đồng, mạng lưới đại sứ số, mô hình chợ số - nông thôn số.

**5. Mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu**

- Triển khai đưa vào sử dụng các CSDL quốc gia, chuyên ngành theo các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương; đồng bộ về Trung tâm dữ liệu quốc gia để xây dựng CSDL tổng hợp quốc gia, phục vụ khai thác sử dụng cắt giảm, thay thế thành phần hồ sơ TTHC; phối hợp, di chuyển các CSDL của tỉnh lên hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia theo quy định; triển khai kiến trúc dữ liệu bám sát Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia và Khung kiến trúc dữ liệu tỉnh.

- Phối hợp nghiên cứu, đề xuất nâng cấp hệ thống CSDL quốc gia về dân cư đáp ứng lưu trữ dữ liệu phục vụ quản lý dân cư, cư trú trong tình hình mới. Tập trung hoàn thiện kết nối, đồng bộ dữ liệu của tỉnh về CSDL quốc gia về dân cư phục vụ phân tích chỉ đạo điều hành và tích hợp trên VNeID theo quy định.

- Phối hợp nghiên cứu, triển khai các nền tảng chuỗi khối quốc gia, định danh phi tập trung quốc gia, định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, hệ thống lưu trữ, giao kết, xác nhận giao dịch điện tử qua nền tảng VNeID, nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ theo hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương.

- Kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị được thực hiện thống nhất thông qua nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu (NDOP).

## **6. Phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành**

- Nghiên cứu rà soát mô hình quản trị thông minh, xây dựng, hoàn thiện Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) của tỉnh, kết nối, chia sẻ với CSDL quốc gia về dân cư, Trung tâm dữ liệu quốc gia phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

- Xây dựng các hệ thống giám sát dịch vụ công, cắt giảm TTHC và chỉ số điều hành, phân tích, đo lường hiệu quả kinh tế số và sức khỏe doanh nghiệp gắn với Đề án 06; đo lường mức độ phát triển công dân số; các mô hình dự báo biến động dân số, di cư, nhu cầu dịch vụ công dựa trên dữ liệu thực tế.

## **7. An sinh xã hội và phục vụ phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội**

- Tập trung đẩy mạnh việc tích hợp, sử dụng tài khoản an sinh xã hội, triển khai hệ thống phục vụ chi trả an sinh xã hội, nền tảng thiện nguyện, nền tảng hiến máu quốc gia và các hệ thống, nền tảng an sinh khác dựa trên dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử theo hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương.

- Triển khai các giải pháp về xác thực thông tin thuê bao di động với dữ liệu dân cư, căn cước, tài khoản định danh điện tử để phục vụ công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

- Triển khai các công cụ phân tích mối quan hệ gia đình, xã hội trong dữ liệu dân cư để phục vụ điều tra, phòng ngừa tội phạm; tích hợp dữ liệu dân cư với cơ sở dữ liệu ADN, căn cước, hồ sơ vụ án; triển khai các giải pháp cảnh báo sớm, thông tin tài khoản phạm tội, phòng, chống lừa đảo, rò rỉ dữ liệu.

## **8. Bảo đảm an ninh mạng**

- Triển khai Trung tâm giám sát an ninh mạng gắn với Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh và các hệ thống của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; rà soát, triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và dữ liệu, bảo mật thiết bị đầu cuối.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra, đánh giá công tác bảo đảm an ninh mạng của cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp, tổ chức chủ quản các hệ thống thông tin, CSDL trong và ngoài nhà nước có kết nối, khai thác dịch vụ dữ liệu dân cư và định danh, xác thực điện tử.

## **9. Hợp tác, trao đổi kinh nghiệm**

- Liên hệ, phối hợp với các chuyên gia về chuyên đổi số, công dân số để chia sẻ kinh nghiệm trong quá trình triển khai.

- Tăng cường phối hợp với Bộ Công an về an toàn thông tin, an ninh mạng để chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và công nghệ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm nâng cao năng lực phòng ngừa và ứng phó với các mối đe dọa an ninh mạng.

## **10. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, đo lường và đánh giá triển khai**

- Thanh tra, kiểm tra việc kết nối, chia sẻ, sử dụng dữ liệu liên quan đến dữ liệu dân cư của các cơ quan, đơn vị, địa phương, đảm bảo sử dụng đúng mục đích, đúng quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước, đảm bảo tuân thủ quy định về bảo mật và khai thác dữ liệu.

- Thanh tra công vụ, kiểm tra đối với cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết TTHC và cung cấp dịch vụ công.

- Đánh giá mức độ hài lòng trong giải quyết TTHC, kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp trên ứng dụng VNeID và đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao dựa trên kết quả chấm điểm trên phần mềm theo dõi giám sát Đề án 06 (<https://dean06.vn>) để tổng hợp, đánh giá tại các Phiên họp thường kỳ của Ủy ban nhân dân tỉnh hàng tháng.

*(Phụ lục II: Danh mục các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030)*

## **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

**1.** Kinh phí thực hiện Kế hoạch do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan có trách nhiệm lập dự toán kinh phí thực hiện và tổng hợp chung vào dự toán của đơn vị mình để trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

**2.** Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ ưu tiên thẩm định, bố trí kinh phí giao các cơ quan, đơn vị, địa phương để thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch.

## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, cải cách hành chính, chuyển đổi số và Đề án 06 chỉ đạo, điều hành toàn diện hoạt động của Kế hoạch Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh.

2. Đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được quy định tại Kế hoạch này.

3. Tổ Giúp việc Đề án 06 của Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, cải cách hành chính, chuyển đổi số và Đề án 06:

- Trực tiếp làm việc với các cơ quan, đơn vị, địa phương đề đôn đốc, hướng dẫn, tổ chức triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch này. Định kỳ hàng tháng, đột xuất tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Tổ Công tác triển khai Đề án 06; cải cách TTHC, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 về tình hình, kết quả thực hiện tại địa phương, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Tổ Giúp việc Đề án 06 sử dụng bộ máy giúp việc là Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Công an tỉnh và được huy động các cơ quan chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ được giao. Kinh phí hoạt động của Tổ Giúp việc được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho Công an tỉnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

### 4. Các cơ quan, đơn vị, địa phương

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện; kết quả triển khai Kế hoạch là một trong những căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu.

- Trên cơ sở các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Kế hoạch này, xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện và gửi Công an tỉnh (*đồng gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh*) **trước ngày 20/6/2026** để theo dõi, phối hợp.

- Chủ động đề xuất, bố trí kinh phí, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất cho việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Theo chức năng, nhiệm vụ, nghiên cứu xây dựng CSDL chuyên ngành bảo đảm đồng bộ, kết nối, chia sẻ với CSDL quốc gia về dân cư, Hệ thống định danh và xác thực điện tử.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân trên địa bàn sử dụng các tiện ích của Đề án 06, coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng.

- Tự tổ chức kiểm tra, thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước được giao

đối với việc triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vi phạm theo thẩm quyền. Đối với các nội dung thanh tra, kiểm tra mang tính liên ngành, thanh tra công vụ và đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch, thực hiện theo quy định.

- Chủ động nghiên cứu, triển khai các mô hình ứng dụng dữ liệu về dân cư, căn cước, định danh điện tử theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đánh giá mức độ hài lòng trong giải quyết TTHC, kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp trên ứng dụng VNeID và đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao dựa trên kết quả chấm điểm trên phần mềm theo dõi giám sát Đề án 06 (<https://dean06.vn>) để phục vụ đánh giá kết quả thực hiện tại các Phiên họp thường kỳ của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chủ động tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ Đề án 06 khác theo hướng dẫn, chỉ đạo của bộ, ngành Trung ương.

- Định kỳ trước ngày **10 hàng tháng** báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch này về Công an tỉnh để tổng hợp; đồng thời, báo cáo thông qua Phần mềm Quản lý công việc Đề án 06 tại địa chỉ: <https://dean06.vn>.

## **5. Công an tỉnh**

- Là Cơ quan thường trực trong tổ chức thực hiện Kế hoạch này; thực hiện các nội dung nhiệm vụ phục vụ vận hành, khai thác CSDL quốc gia về dân cư, Hệ thống định danh và xác thực điện tử; bảo đảm an ninh, an toàn, tính sẵn sàng cao của các hệ thống phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu theo chỉ đạo của Bộ Công an.

- Chủ trì, phối hợp với Thanh tra tỉnh và các cơ quan liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra việc triển khai Kế hoạch; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Chủ trì, tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch tại các cơ quan, đơn vị, địa phương và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Tổ Công tác triển khai Đề án 06; cải cách TTHC, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 Chính phủ theo yêu cầu; đề xuất biểu dương, khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao, có mô hình hay, sáng tạo; đồng thời, kiểm điểm, xử lý trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân không hoàn thành hoặc triển khai, hoàn thành chậm tiến độ, kết quả không đạt yêu cầu.

## **6. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

Phối hợp với Công an tỉnh thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký các báo cáo gửi Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương theo quy định; đồng thời, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, “điểm nghẽn” phát sinh trong quá trình thực hiện.

## **7. Sở Khoa học và Công nghệ**

- Chủ trì, phối hợp Công an tỉnh đề xuất, đặt hàng triển khai các nhiệm vụ

nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ liên quan đến dữ liệu dân cư, định danh điện tử theo phạm vi chức năng của địa phương, hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Tham mưu triển khai thực hiện Khung đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số hàng năm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Phát huy vai trò cơ quan thường trực của Mạng lưới đổi mới sáng tạo tại địa phương, kết nối chuyên gia hỗ trợ tư vấn chiến lược dữ liệu, thúc đẩy hệ sinh thái dữ liệu quốc gia phát triển theo phạm vi chức năng của địa phương.

### **8. Sở Tài chính**

- Tham mưu bố trí ngân sách nhà nước đầy đủ, kịp thời cho các nhiệm vụ, dự án triển khai Kế hoạch. Rà soát, tham mưu ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển phù hợp tình hình triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch.

- Tổng hợp các dự án về dữ liệu, chuyển đổi số tại địa phương vào kế hoạch đầu tư công trung hạn, dài hạn.

- Nghiên cứu xây dựng, triển khai các CSDL chuyên ngành tài chính theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu với CSDL quốc gia về dân cư phục vụ quản lý và cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tài chính.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát việc sử dụng ngân sách cho các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch, đảm bảo hiệu quả và tránh lãng phí.

**9. Sở Y tế:** Nghiên cứu xây dựng, triển khai CSDL chuyên ngành theo hướng dẫn của Bộ Y tế, đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu theo Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 của Chính phủ; chỉ đạo các cơ sở y tế kết nối, chia sẻ dữ liệu để triển khai Sở sức khỏe điện tử, Giấy chuyển tuyến, Giấy hẹn khám lại trên ứng dụng định danh quốc gia VNeID.

**10. Sở Giáo dục và Đào tạo:** Nghiên cứu xây dựng, triển khai CSDL chuyên ngành theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu theo Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 của Chính phủ; đồng thời, phối hợp Công an tỉnh triển khai tích hợp văn bằng, chứng chỉ trên ứng dụng định danh quốc gia VNeID; tích hợp nội dung giáo dục công dân số vào chương trình giáo dục chính quy các cấp học, bậc học.

### **11. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh khu vực 11**

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh phát triển thanh toán không dùng tiền mặt, thúc đẩy phát triển thương mại điện tử; ứng dụng mạnh mẽ định danh điện tử trong dịch vụ khách hàng; thúc đẩy kết nối CSDL thông tin tín dụng với CSDL quốc gia về dân cư để xác thực, làm sạch dữ liệu khách hàng vay; triển khai các giải pháp an ninh để phòng chống tội phạm công nghệ cao trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, bảo đảm giao dịch trực tuyến an toàn cho người dân.

**12. Tòa án nhân dân tỉnh:** Tiếp tục nghiên cứu triển khai Đề án 06 trong hoạt động của tòa án theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao; kết nối, chia sẻ

CSDL bản án, quyết định và các dữ liệu khác với CSDL quốc gia về dân cư theo quy định; cập nhật tình hình triển khai Đề án trong hoạt động của tòa án.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch này, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả, tiến độ thực hiện; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ thông tin báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu và hướng dẫn của Công an tỉnh - Cơ quan Thường trực. Quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc báo cáo bằng văn bản gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Công an tỉnh) để xem xét, giải quyết./.

**PHỤ LỤC 1. MỤC TIÊU CỤ THỂ CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐỀ ÁN 06 GIAI ĐOẠN 2026 – 2030**

(Kèm theo Quyết định số: \_\_\_\_\_/QĐ-UBND ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	ĐƠN VỊ TÍNH	MỤC TIÊU		ĐƠN VỊ THEO DÕI
			Năm 2026	Năm 2030	
<b>I</b>	<b>Phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và đổi mới sáng tạo chỉ đạo, điều hành</b>				
1	Tăng xếp hạng chỉ số DTI của tỉnh <sup>3</sup>	Thứ hạng	Nhóm 15 địa phương dẫn đầu cả nước	Nhóm 10 địa phương dẫn đầu cả nước	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Tỷ lệ dịch vụ công, TTHC hoàn thành việc ban hành danh mục các trường thông tin cần cung cấp tương ứng với Hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung để cắt giảm tự động khi đảm bảo dữ liệu	%	50	80	Văn phòng UBND tỉnh
3	Tỷ lệ dịch vụ công, TTHC được cắt giảm thành phần hồ sơ, giấy tờ khi thành phần hồ sơ, giấy tờ đã được tích hợp trên VNeID hoặc khi đáp ứng toàn trình về dữ liệu	%	50	80	Văn phòng UBND tỉnh
4	Tỷ lệ dịch vụ công, TTHC được thông báo trạng thái, kết quả xử lý hồ sơ và đồng bộ kết quả trên VNeID	%	50	100	Văn phòng UBND tỉnh Công an tỉnh
5	Tỷ lệ cá nhân, doanh nghiệp có tài khoản định danh điện tử được cung cấp phương thức để nhận thông báo từ Cơ quan nhà nước và phản ánh kiến nghị với cơ quan nhà nước qua VNeID	%	100	-	Công an tỉnh
6	Tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến trên tổng số hồ sơ dịch vụ	%	80	90	Văn phòng UBND

<sup>3</sup> Quyết định 967/QĐ-UBND ngày 20/3/2026 của UBND tỉnh về Phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2030; Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 19/01/2026 của UBND tỉnh về Nâng cao chỉ số Chuyển đổi số (DTI) của tỉnh.

	công				tỉnh
7	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về dịch vụ công	%	95	-	Văn phòng UBND tỉnh
8	Tích hợp hệ thống Trung tâm điều hành thông minh với hệ thống Trung tâm dữ liệu dân cư phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành	%	100	-	Sở Khoa học và Công nghệ
9	Tỷ lệ phổ cập địa chỉ số, định danh địa điểm đối với nhà ở và trụ sở cơ quan tổ chức	%	-	100	Công an tỉnh
10	Tỷ lệ các TTHC, dịch vụ công được nộp hồ sơ" phi địa giới"	%	100	-	Văn phòng UBND tỉnh
<b>II</b>	<b>Thúc đẩy kinh tế số, xã hội số</b>				
1	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong thực hiện dịch vụ công	%	60	80	Văn phòng UBND tỉnh
2	Tỷ lệ doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên các sàn thương mại điện tử được định danh điện tử và kết nối thông tin kinh doanh với cơ quan thuế để đảm bảo kê khai - nộp thuế minh bạch	%	100	-	Sở Công Thương, Công an tỉnh, Thuế tỉnh
3	Tỷ lệ khách hàng có thể định danh, xác thực bằng thẻ Căn cước và tài khoản VNeID khi sử dụng dịch vụ tài chính	%	50	100	Sở Tài chính, Công an tỉnh
4	Tỷ lệ thông tin thuê bao di động được xác thực với CSDL quốc gia về dân cư, căn cước hoặc định danh điện tử	%	100	-	Sở Khoa học và Công nghệ, các Doanh nghiệp viễn thông, Công an tỉnh
5	Tỷ lệ bệnh viện, trường học triển khai thanh toán không dùng tiền mặt; sử dụng thẻ căn cước thay thế thẻ Bảo hiểm y tế, thẻ sinh viên	%	50	80	Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Công an tỉnh, các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh

6	Tỷ lệ giao dịch thương mại điện tử và vận chuyển sử dụng dữ liệu địa điểm	%	80	100	Sở Công Thương, Công an tỉnh
7	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khai thác	%	60	95	NHNN Khu vực 11
8	Tỷ lệ các ngành kinh tế ngành, lĩnh vực chuyên đổi số có ứng dụng dân cư, căn cước, định danh	%	-	80	Công an tỉnh
9	Mở rộng mô hình sử dụng thẻ căn cước thay thẻ ngân hàng trên toàn quốc	%	-	100	NHNN Khu vực 11
10	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử liên thông, dùng thống nhất trong khám chữa bệnh	%	-	100	Sở Y tế
11	Bảo đảm kết nối, chia sẻ, liên thông đồng bộ giữa các hệ thống: Hồ sơ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử, đơn thuốc điện tử và bảo hiểm y tế	-	-	-	Sở Y tế
12	Mỗi người dân sẽ có một sổ sức khỏe điện tử cá nhân được theo dõi suốt vòng đời	-	-	-	Sở Y tế
<b>III</b>	<b>Phục vụ phát triển công dân số</b>				
1	Đảm bảo mỗi công dân được cấp căn cước, có một danh tính điện tử duy nhất, an toàn và được pháp luật bảo vệ	%	100		Công an tỉnh
2	Đảm bảo quyền của công dân trong việc kiểm soát, quản lý thông tin cá nhân và lịch sử hoạt động số trên nền tảng VNeID	%	100		Công an tỉnh
3	Tỷ lệ người dân tỉnh Gia Lai được cấp căn cước có tài khoản định danh điện tử mức độ 2	%	≥80	100	Công an tỉnh
4	Cấp tài khoản định danh điện tử cho người nước ngoài	%	100	100	Công an tỉnh
5	Số lượng tài khoản VNeID hoạt động thường xuyên	%	40	70	Công an tỉnh

6	Tỷ lệ cán bộ cơ quan nhà nước được tập huấn kỹ năng số cơ bản	%	100	-	Sở Nội vụ
7	Tỷ lệ các sở, ngành địa phương cung cấp học liệu và tổ chức khóa học trên nền tảng bình dân học vụ số.	%	100	-	Công an tỉnh
8	Hoàn thành phổ cập kỹ năng số cơ bản cho lực lượng lao động	%	50	90	Sở Nội vụ
9	Các chương trình phổ cập kỹ năng số, an toàn trong không gian mạng được đưa vào các trường học	%	100	-	Sở Giáo dục và Đào tạo
10	Tích hợp tài khoản an sinh xã hội trên VNeID	%	50	100	Công an tỉnh
<b>IV</b>	<b>Mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu</b>				
1	Rà soát, ban hành danh mục dữ liệu trong phạm vi quản lý địa phương; Triển khai, cập nhật, đồng bộ và sử dụng hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung.	%	100	-	Công an tỉnh
2	Số hóa tạo lập dùng chung cho các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành được tạo lập qua hệ thống số hóa dùng chung, không yêu cầu công dân kê khai giấy	%	≥50	≥80	Công an tỉnh
3	Tỷ lệ cá nhân, tổ chức doanh nghiệp được chủ động cung cấp thông tin của mình trên VNeID	%	100	-	Công an tỉnh
4	Triển khai kết nối, sử dụng 12 CSDL quốc gia trọng yếu để phục vụ cải cách TTHC và tích hợp, kết nối với CSDL quốc gia về dân cư theo hướng dẫn của Bộ, ngành trung ương.	CSDL	12	-	Công an tỉnh
5	Tỷ lệ các CSDL chuyên ngành khác của các sở, ngành được xây dựng tạo lập và tích hợp, kết nối với CSDL quốc gia về dân cư hoặc Trung tâm dữ liệu quốc gia	%	70	100	Công an tỉnh
6	Tỷ lệ giao dịch điện tử được chứng nhận, xác nhận dữ liệu giao dịch giữa các cá nhân, tổ chức doanh nghiệp trên nền tảng VNeID	%	-	50	Công an tỉnh

7	Tỷ lệ TTHC có kết quả giải quyết được tích hợp, đồng bộ về VNeID phục vụ cắt giảm TTHC	%	-	100	Văn phòng UBND tỉnh
8	Đảm bảo hạ tầng để cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức khác được xác nhận tích hợp giấy tờ trên VNeID	%	-	100	Công an tỉnh
9	Tỷ lệ dữ liệu được tích hợp, đồng bộ trên nền tảng dữ liệu dân cư, định danh điện tử được phân tích tổng hợp làm giàu dữ liệu dựa trên trí tuệ nhân tạo (AI)	%	-	100	Công an tỉnh
10	Đảm bảo hạ tầng phục vụ phát triển công dân số	Hạ tầng	-	Đảm bảo	Sở Khoa học và Công nghệ
11	Tỷ lệ dân số được phủ sóng mạng di động 5G	%	-	99	Sở Khoa học và Công nghệ
<b>V</b>	<b>Đảm bảo an sinh xã hội và phục vụ phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội</b>				
1	Tỷ lệ công dân có tài khoản hưởng an sinh xã hội	%	50	100	Công an tỉnh
2	Tỷ lệ người hưởng trợ cấp, lương hưu nhận qua tài khoản an sinh xã hội	%	≥50	100	Sở Nội vụ, Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Công an tỉnh
3	Tỷ lệ tội phạm sử dụng giấy tờ giả, danh tính giả giảm	%	≥70	80	Công an tỉnh
4	Tỷ lệ thông tin đối tượng vi phạm pháp luật có thể tra cứu qua CSDL quốc gia về dân cư	%	100	-	Công an tỉnh
5	Hoàn thành cơ bản việc triển khai lắp đặt hệ thống camera phục vụ mô hình đô thị thông minh tại một số vị trí trọng yếu trên địa bàn tỉnh	-	Phường Trung tâm	-	Sở Khoa học và Công nghệ
6	Hoàn thành việc đồng bộ, kết nối, tích hợp CSDL có liên quan phục vụ chi trả an sinh xã hội	%	-	100	Sở Nội vụ

7	An ninh trật tự trị an được bảo đảm, tội phạm lừa đảo năm sau giảm hơn năm trước	%	-	50	Công an tỉnh
<b>VI</b>	<b>Phục vụ nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo</b>				
1	Tỷ lệ đề tài nghiên cứu khoa học và ứng dụng được các cá nhân, tổ chức triển khai trên nền tảng dữ liệu dân cư, căn cước định danh điện tử và được ứng dụng hiệu quả trong thực tế	%	≥10	≥30	Công an tỉnh
2	Tỷ lệ sở, ngành đăng ký, phê duyệt danh mục các nền tảng số tích hợp trên ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước, định danh điện tử và công bố rộng rãi để đặt đề bài cho các doanh nghiệp, nhà khoa học, nhà trường tham gia nghiên cứu triển khai	%	100	-	Công an tỉnh
3	Tỷ lệ các cơ quan, đơn vị, địa phương phát động các cuộc thi, nghiên cứu về ứng dụng dữ liệu với cuộc sống	%	50	-	Công an tỉnh
4	Nghiên cứu đưa ra tối thiểu 01 sản phẩm kiểu mẫu theo mô hình hợp tác 03 nhà: “Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp”	Sản phẩm	01	-	Sở Khoa học và Công nghệ

**Phụ lục II. DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN  
CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐỀ ÁN 06 GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

(Kèm theo Quyết định số:                     /QĐ-UBND ngày            tháng            năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
<b>I</b>	<b>Hoàn thiện chính sách, pháp luật về phát triển, cung cấp ứng dụng, dịch vụ số liên quan đến thông tin dân cư</b>				
1	Xây dựng Hệ thống Từ điển dữ liệu dùng chung	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ngành, UBND các xã, phường	Sau khi có hướng dẫn của Bộ Công an	Văn bản hướng dẫn
2	Rà soát, đề xuất sửa đổi các văn bản quy phạm, hướng dẫn bảo vệ an ninh dữ liệu, bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất hạ tầng, ứng dụng theo quy định	Công an tỉnh	Các sở, ngành tỉnh, UBND các xã, phường	Thực hiện thường xuyên	Các hệ thống được kiểm tra đảm bảo an ninh, an toàn
3	Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công để đề xuất sửa đổi, bổ sung để khuyến khích phát triển công dân số	Công an tỉnh	Sở Tư pháp	Tháng 3/2027	Báo cáo kết quả rà soát gửi Bộ Tư pháp
<b>II</b>	<b>Phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>				
1	Đưa vào vận hành Hệ thống thông tin giải quyết TTHC theo mô hình tập trung	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành tỉnh, UBND các xã, phường	Theo tiến độ của bộ, ngành Trung ương	Hệ thống được đưa vào sử dụng thông suốt, hiệu quả
2	Triển khai trí tuệ nhân tạo AI, Trợ lý ảo để hỗ trợ	Công an tỉnh	Văn phòng UBND	Theo tiến độ của Bộ	Trợ lý ảo được tích

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
	dịch vụ công, TTHC		tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Công an ( <i>Tháng 9/2026</i> )	hợp trên VNeID và Công Dịch vụ công quốc gia
3	Rà soát, tái cấu trúc và cắt giảm thành phần hồ sơ TTHC dựa trên dữ liệu	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh	Tháng 10/2026	Rà soát, tái cấu trúc TTHC; cắt giảm thành phần hồ sơ trên cơ sở khai thác, tái sử dụng dữ liệu từ CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành; chuẩn hóa quy trình nội bộ, quy trình điện tử và công bố, cập nhật TTHC trên CSDL quốc gia theo quy định.
4	Xây dựng Hệ thống dashboard giám sát công tác giải quyết hồ sơ TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành tỉnh	Quý II/2026	Đưa vào vận hành Hệ thống dashboard
5	Kết nối, tích hợp đăng nhập tài khoản định danh, đặc biệt tài khoản định danh tổ chức, người nước ngoài phục vụ dịch vụ công, giải quyết TTHC	Công an tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ngành tỉnh, UBND các xã, phường	Theo tiến độ của Bộ Công an ( <i>Tháng 12/2026</i> )	VNeID được tích hợp đăng nhập giải quyết TTHC cho tất cả các đối tượng
6	Triển khai đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công trên ứng dụng VNeID	Công an tỉnh	Các sở, ngành tỉnh, UBND các xã, phường	Năm 2026	Hệ thống giải quyết TTHC, dịch vụ công tích hợp để người dân, doanh nghiệp đánh giá mức độ hài

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
					lòng trong thực hiện TTHC, dịch vụ công trên ứng dụng VNeID
7	Hướng dẫn việc kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị được thực hiện thống nhất thông qua nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu (NDOP)	Công an tỉnh	Các sở, ngành tỉnh, UBND các xã, phường, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân	Năm 2026	Văn bản triển khai theo hướng dẫn của Bộ Công an
8	Nghiên cứu đề xuất giải pháp “Trạm công dân số” tại các địa điểm công cộng, cơ quan hành chính và trung tâm dịch vụ	Công an tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Y tế	Tháng 1/2027	Giải pháp “Trạm công dân số” được đưa vào triển khai phổ cập
9	Hàng tháng cung cấp số liệu về kết quả cắt giảm, đơn giản hóa TTHC của các sở, ngành tỉnh, UBND các xã, phường cho các cơ quan truyền thông (Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai, Cổng Thông tin điện tử,...) để công bố, công khai trên các phương tiện truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh	Công an tỉnh, các sở, ngành tỉnh, UBND các xã, phường	Thực hiện thường xuyên	Kết quả cắt giảm TTHC được công bố trên các phương tiện truyền thông
7	Công khai các trường thông tin trong CSDL được khai thác và hướng dẫn phương thức, quy trình kết nối chia sẻ, khai thác, sử dụng để thay thế giấy tờ trong thành phần hồ sơ TTHC	Các sở, ngành	Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Thực hiện thường xuyên	Các sở, ngành công bố trường thông tin trong CSDL phục vụ giải quyết TTHC theo hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương
<b>III</b>	<b>Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội</b>				

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
1	Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong quảng bá văn hóa, du lịch, phát triển sản phẩm du lịch số	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành tỉnh, UBND các xã, phường	Năm 2026	Các nền tảng và sản phẩm du lịch số được xây dựng, triển khai nhằm quảng bá văn hóa, du lịch và hỗ trợ người dân, du khách tra cứu, trải nghiệm thông tin du lịch trên môi trường số
2	Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trên các lĩnh vực: giáo dục, y tế, chi trả an sinh xã hội, trợ cấp Bảo hiểm xã hội,... qua tài khoản ngân hàng liên kết trên VNeID	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh khu vực 11	Các sở, ngành tỉnh, UBND các xã, phường	Tháng 09/2026	100% cơ sở y tế, giáo dục triển khai thu phí không dùng tiền mặt. 75% đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội nhận trợ cấp thường xuyên thông qua phương thức chi trả không dùng tiền mặt. 86% số người nhận các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp qua phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt tại các khu vực đô thị
3	Ban hành danh mục nền tảng, sản phẩm số thuộc ngành, lĩnh vực tích hợp, ứng dụng dữ liệu dân cư,	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh,	Tháng 3/2027	Danh mục nền tảng, sản phẩm số từng

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
	căn cước, định danh và xác thực điện tử.		các đơn vị có liên quan		ngành, lĩnh vực được ban hành, bảo đảm tích hợp và ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước, định danh
4	Nghiên cứu “Bản sao số” dựa trên CSDL định danh địa điểm, gắn với dữ liệu dân cư và danh tính điện tử, gắn với dữ liệu camera, các cảm biến hình thành mô hình đô thị thông minh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ngành có liên quan	Tháng 1/2030	Mô hình đô thị thông minh được triển khai, đi vào vận hành
5	Phát động cuộc thi “dữ liệu với cuộc sống – data for life” để khuyến khích đổi mới sáng tạo, xây dựng sản phẩm số	Công an tỉnh	Các sở, ngành tỉnh, UBND các xã, phường, các doanh nghiệp	Theo văn bản triển khai của Bộ Công an	Các sản phẩm đổi mới, sáng tạo hàng năm
6	Đẩy mạnh ứng dụng CSDL quốc gia về dân cư, định danh và xác thực điện tử trên các lĩnh vực của đời sống xã hội như: Ngân hàng, y tế, thuế, bảo hiểm xã hội, giao thông...	Công an tỉnh	Ngân hàng Nhà nước khu vực 11, Thuế tỉnh Gia Lai, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Y tế	Thường xuyên	Triển khai xác thực tài khoản ngân hàng bằng dữ liệu dân cư; sử dụng số định danh cá nhân làm mã số thuế cá nhân, mã số bảo hiểm xã hội; triển khai khám chữa bệnh bằng thẻ Căn cước, VNeID
7	Triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển thương mại điện tử, nâng cao hiệu quả công	Thuế tỉnh Gia Lai	Sở Công thương, Sở Tài chính, Công an	Thường xuyên	Các dữ liệu được kết nối, liên thông, chia

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
	tác quản lý thuế, đăng ký doanh nghiệp, sử dụng hóa đơn điện tử		tỉnh		sẽ phục vụ công tác quản lý, chống thất thu thuế
<b>IV</b>	<b>Phục vụ phát triển công dân số</b>				
1	Khẩn trương tích hợp các tài liệu, học liệu phục vụ công tác đào tạo, tập huấn trên nền tảng Bình dân học vụ số	Các sở, ngành tỉnh, UBND các xã, phường	Công an tỉnh	Thực hiện thường xuyên (Mỗi đơn vị ít nhất 1 tài liệu (học liệu)/năm)	Học liệu về các lĩnh vực được tích hợp lên nền tảng Bình dân học vụ số
2	Triển khai các khóa đào tạo công dân số trên nền tảng “Bình dân học vụ số”	Các sở, ngành tỉnh, UBND các xã, phường	Công an tỉnh	Thực hiện thường xuyên (Mỗi đơn vị ít nhất 1 khóa học/năm)	Các khóa đào tạo trên nền tảng học tập trực tuyến
3	Bố trí ngân sách ưu tiên hỗ trợ thiết bị phục vụ phát triển kỹ năng số cho cán bộ, công chức cũng như người dân. Các sở, ngành, địa phương tăng cường, đẩy mạnh tuyên truyền các chính sách miễn giảm thuế, phí hỗ trợ người yếu thế	Các sở, ngành tỉnh, UBND các xã, phường	Công an tỉnh, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Thuế tỉnh	Thực hiện thường xuyên	Người yếu thế được hưởng các chính sách miễn giảm thuế, phí trong các hoạt động đời sống xã hội
4	Hướng dẫn chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí đối với công dân khi thực hiện dịch vụ số, TTHC trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ Tài chính hoặc chính sách đặc thù của địa phương	Sở Tài chính	Công an tỉnh, các sở, ngành tỉnh, UBND các xã, phường	Sau khi có hướng dẫn của Bộ Tài chính (Tháng 02/2027)	Triển khai có hiệu quả chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí đối với công dân khi thực hiện dịch vụ số, TTHC trực tuyến theo quy định
5	Phối hợp triển khai ứng dụng VneID thành nền tảng số quốc gia đa tiện ích phục vụ chuyển đổi	Công an tỉnh	Bảo hiểm xã hội tỉnh, các sở, ngành,	Đánh giá theo các mốc năm 2027,	Hệ thống VNeID được nâng cấp đảm

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
	số, phát triển công dân số: <sup>(1)</sup> Lưu trữ dữ liệu số của công dân; <sup>(2)</sup> Định danh xác thực điện tử; <sup>(3)</sup> Thực hiện dịch vụ công trực tuyến và giải quyết TTHC; <sup>(4)</sup> Liên kết tài khoản thanh toán, ví điện tử, thẻ ngân hàng, dịch vụ tiền di động trên ứng dụng VneID để thực hiện thanh toán, chi trả an sinh xã hội; <sup>(5)</sup> Là kênh giao tiếp chính thức, đảm bảo an toàn, bảo mật, hiệu quả giữa người dân với Nhà nước, người dân với doanh nghiệp, và người dân với người dân; <sup>(6)</sup> Các tiện ích khác.		địa phương, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	2030	bảo triển khai thực hiện
6	Hướng dẫn các cơ sở y tế kết nối, chia sẻ dữ liệu để triển khai Sổ sức khỏe điện tử, Giấy chuyển tuyến, Giấy hẹn khám lại trên ứng dụng định danh quốc gia VNeID	Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh	Công an tỉnh	Theo văn bản hướng dẫn của Bộ Y tế, Bảo hiểm xã hội Việt Nam	Chia sẻ dữ liệu y tế
7	Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ người dân tích hợp, xác thực, sử dụng các tiện ích, giấy tờ tích hợp trên ứng dụng VNeID	Tỉnh đoàn	Các sở, ngành tỉnh, UBND các xã, phường	Thường xuyên	Người dân được tuyên truyền, hướng dẫn và hỗ trợ tích hợp, xác thực và sử dụng các tiện ích, giấy tờ cá nhân trên ứng dụng VNeID, góp phần nâng cao tỷ lệ sử dụng định danh điện tử
8	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số và dữ liệu	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	Xây dựng và triển khai Kế hoạch thu hút, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nguồn

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
					nhân lực chuyển đổi số, nhân lực dữ liệu trong các cơ quan nhà nước
<b>V</b>	<b>Mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu</b>				
1	Đưa vào sử dụng các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành theo Kế hoạch 02-KH/BCĐTW, Nghị quyết 71/NQ-CP, Nghị quyết 11/NQ-CP, Nghị quyết 214/NQ-CP – đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”	Các sở, ngành tỉnh, UBND các xã, phường, Thuế tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, các đơn vị có liên quan	Công an tỉnh	Theo Kế hoạch triển khai của Trung ương	Đồng bộ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu quốc gia
2	Triển khai hạ tầng điện toán đám mây tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia và bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu theo thời gian thực, thiết lập hệ thống giám sát và vận hành dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm dữ liệu quốc gia	Quý III/2026	Báo cáo kết quả triển khai
3	Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành tỉnh	Tháng 9/2026	Đưa vào vận hành Hệ thống Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh
4	Nâng cấp LGSP lên LDOP và đảm bảo 100% đơn vị sử dụng và kết nối đầy đủ với Nền tảng quốc gia	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành tỉnh	Tháng 10/2026	Hoàn thành nâng cấp và chuyển đổi nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu LGSP sang nền tảng LDOP

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
5	Nâng cấp, mở rộng các tiện ích trên nền tảng ứng dụng công dân số (iGiaLai)	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh	Năm 2026	Các tiện ích mới trên nền tảng ứng dụng công dân số Gia Lai (iGiaLai) được đưa vào sử dụng
6	Tiếp tục duy trì và triển khai hiệu quả Bệnh án điện tử tại các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, kết nối, liên thông hệ thống điều phối dữ liệu y tế với các Bệnh viện tuyến Trung ương để liên thông dữ liệu	Sở Y tế	Bộ Y tế, C06	Năm 2026	Sử dụng hồ sơ bệnh án của người bệnh hoàn toàn trên môi trường điện tử. Kết nối Hệ thống điều phối dữ liệu y tế với Bệnh viện Chợ Rẫy
7	Hoàn thiện CSDL bản đồ tỉnh sử dụng công nghệ GIS cho 4 lĩnh vực: quy hoạch, phát triển đô thị, xây dựng, đất đai, tài nguyên	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành tỉnh	Tháng 12/2026	Hoàn thành xây dựng và đưa vào vận hành CSDL bản đồ số của tỉnh trên nền tảng GIS
8	Xây dựng nền tảng tổng hợp và phân tích dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành tỉnh	Tháng 12/2026	Hoàn thành xây dựng và đưa vào vận hành nền tảng tổng hợp và phân tích dữ liệu của tỉnh
9	Làm giàu, làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu của Hệ thống quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở	UBND các xã, phường	Sở Y tế	Tháng 11/2026	Dữ liệu được làm giàu, làm sạch trên Hệ thống quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở tại đơn vị

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
10	Triển khai giám sát hoạt động xử lý dữ liệu và phối hợp tổ chức kiểm toán dữ liệu trên địa bàn tỉnh theo Điều 13, Điều 14 của Nghị định số 278/2025/NĐ-CP	Công an tỉnh	Trung tâm dữ liệu quốc gia, các sở, ngành tỉnh, UBND các xã, phường và cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2026	Kế hoạch và báo cáo kết quả giám sát, kiểm tra hoạt động xử lý dữ liệu trên địa bàn tỉnh theo quy định
11	Ban hành trường thông tin dữ liệu gốc, dữ liệu chủ, dữ liệu tham chiếu, trong đó đảm bảo cập nhật, đồng bộ danh mục lên Hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung; xác định cụ thể các trường thông tin tham chiếu trong CSDL quốc gia về dân cư; danh tính điện tử của tổ chức, người nước ngoài	Công an tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Quý I/2027	Danh mục bộ trường thông tin dữ liệu gốc, dữ liệu chủ, dữ liệu tham chiếu được ban hành, cập nhật lên Hệ thống từ điển dữ liệu dùng chung và kết nối với CSDL quốc gia về dân cư
12	Phối hợp triển khai và đưa vào vận hành, khai thác nền tảng chuỗi khối quốc gia	Công an tỉnh	Các sở, ngành tỉnh, UBND các xã, phường	Tháng 3/2028	Đưa vào vận hành hệ thống
13	Phối hợp triển khai và đưa vào vận hành, khai thác sử dụng hệ thống định danh phi tập trung quốc gia	Công an tỉnh	Các sở, ngành tỉnh, UBND các xã, phường	Tháng 3/2028	Đưa vào vận hành hệ thống
14	Phối hợp triển khai và đưa vào vận hành, khai thác sử dụng nền tảng quốc gia về định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa	Công an tỉnh	Các sở, ngành tỉnh, UBND các xã, phường	Tháng 3/2028	Đưa vào vận hành hệ thống
<b>VI</b>	<b>Phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành</b>				
1	Triển khai tài liệu hướng dẫn mô hình quản trị	Công an tỉnh	Sở Khoa học và	Ngay sau khi Bộ	Văn bản triển khai

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
	điều hành dựa trên bản sao số trên nền tảng định danh địa điểm		Công nghệ	Công an ban hành tài liệu hướng dẫn (Quý II/2027)	hướng dẫn
2	Nghiên cứu mô hình quản trị điều hành dựa trên bản sao số trên nền tảng định danh địa điểm	Văn phòng UBND tỉnh	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành tỉnh, UBND các xã, phường	Tháng 3/2028	Mô hình được triển khai thí điểm
3	Rà soát, cấp đầy đủ chữ ký số cá nhân cho lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức theo quy định để xử lý công việc trên môi trường điện tử; cung cấp triển khai các giải pháp bảo mật thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước theo quy định.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành tỉnh, UBND các xã, phường	Thực hiện thường xuyên	Lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức được cấp chữ ký số trên môi trường điện tử và được sử dụng giải pháp, sản phẩm bảo mật của Ban Cơ yếu Chính phủ theo quy định
4	Nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) của tỉnh; bảo đảm tích hợp dữ liệu các hệ thống của tỉnh và kết nối, khai thác, chia sẻ thông tin về CSDL quốc gia về dân cư, Trung tâm dữ liệu quốc gia phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ngành tỉnh	Tháng 12/2026	Đồng bộ dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành
5	Phối hợp triển khai hệ thống Dashboard đo lường mức độ phát triển công dân số	Công an tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Theo tiến độ triển khai của Bộ Công an (Tháng 3/2027)	Hệ thống Dashboard đo lường công dân số
6	Xây dựng và triển khai Kế hoạch ứng dụng CSDL	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành	Quý II/2026	Kế hoạch của UBND

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
	cán bộ, công chức, viên chức phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành		tỉnh		tỉnh
<b>VII</b>	<b>An sinh xã hội và phục vụ phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội</b>				
1	Xác thực thông tin thuê bao di động với dữ liệu dân cư, căn cước, tài khoản định danh điện tử để xử lý SIM rác	Sở Khoa học và Công nghệ, các doanh nghiệp viễn thông	Công an tỉnh	Thực hiện thường xuyên	Tất cả các thông tin thuê bao di động được xác thực với CSDL định danh điện tử quốc gia
2	Xác thực thông tin tài khoản ngân hàng với dữ liệu dân cư, căn cước, tài khoản định danh điện tử để xử lý tài khoản ảo	Ngân hàng nhà Việt Nam Chi nhánh khu vực 11	Công an tỉnh	Thực hiện thường xuyên	Tất cả các tài khoản ngân hàng được xác thực với CSDL định danh điện tử quốc gia
3	Triển khai hệ thống phục vụ chi trả an sinh xã hội trên nền tảng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử; phổ cập tài khoản an sinh xã hội trên VNeID	Công an tỉnh	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Y tế, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh khu vực 11, Bảo hiểm xã hội tỉnh	Sau khi Bộ Công an xây dựng, triển khai ( <i>Tháng 1/2028</i> )	Hệ thống phục vụ chi trả an sinh xã hội trên nền tảng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử đi vào vận hành
4	Kết nối hệ thống định danh điện tử, hệ thống phục vụ chi trả an sinh xã hội để chi trả lương hưu, bảo hiểm thất nghiệp, các khoản chi trả khác của cơ quan nhà nước đến người dân	Công an tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Theo tiến độ triển khai của các bộ, ngành ( <i>Tháng 02/2027</i> )	Hoàn thành kết nối vào thực hiện chi trả
5	Đồng bộ dữ liệu thất nghiệp, dữ liệu việc làm, các nguồn dữ liệu khác về hệ thống CSDL dân cư	Sở Nội vụ	Công an tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh	Thực hiện thường xuyên	Kho dữ liệu tổng hợp về an sinh xã hội, việc

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
	phục vụ chi trả an sinh xã hội để phân tích, hoạch định chi trả và phòng chống tội phạm				làm, thất nghiệp phục vụ phân tích, dự báo
<b>VIII</b>	<b>Bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống CSDL quốc gia về dân cư và các hệ thống, nền tảng kết nối</b>				
1	Triển khai Trung tâm giám sát an ninh mạng, an ninh dữ liệu gắn với các Trung tâm dữ liệu và hệ thống của cơ quan nhà nước	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, các đơn vị liên quan	Theo hướng dẫn, tiến độ triển khai của Bộ Công an (Tháng 12/2026)	Hệ thống giám sát an ninh mạng đi vào hoạt động
2	Phối hợp nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cấp, mở rộng quy mô, phạm vi, năng lực toàn diện cho các giải pháp bảo đảm an ninh mạng tiên tiến, hiện đại tại Trung tâm dữ liệu quốc gia, hướng tới đạt chứng chỉ quốc tế ISO 27001	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 6/2028	Hệ thống tại Trung tâm dữ liệu quốc gia được nâng cấp, triển khai đáp ứng
3	Rà soát, triển khai các giải pháp đảm bảo an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo mật thiết bị đầu cuối	Các sở, ngành tỉnh, UBND các xã, phường	Công an tỉnh	Thực hiện thường xuyên	Các hệ thống, thiết bị được rà soát, triển khai đảm bảo
<b>IX</b>	<b>Hợp tác, trao đổi kinh nghiệm</b>				
1	Liên hệ, phối hợp với các chuyên gia trong nước, quốc tế về chuyển đổi số, công dân số để chia sẻ kinh nghiệm trong quá trình triển khai.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, Sở Ngoại vụ, Văn phòng UBND tỉnh	Thực hiện thường xuyên	
2	Tăng cường hợp tác về an toàn thông tin, an ninh mạng để chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và công nghệ với các tổ chức, địa phương khác nhằm nâng cao năng lực phòng ngừa và ứng phó với các mối đe dọa an ninh mạng	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ		Thực hiện thường xuyên	

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
<b>X</b>	<b>Thanh tra, kiểm tra, giám sát</b>				
1	Thanh tra, kiểm tra việc kết nối, chia sẻ, sử dụng dữ liệu liên quan đến dữ liệu dân cư giữa các sở, ngành, địa phương, đảm bảo sử dụng đúng mục đích và đúng quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước	Công an tỉnh	Các sở, ngành tỉnh, UBND các xã, phường	Thực hiện thường xuyên	
2	Thanh tra công vụ, kiểm tra đối với cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết TTHC và cung cấp dịch vụ công	Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh, Thanh tra tỉnh	Các sở, ngành tỉnh, UBND các xã, phường	Thực hiện thường xuyên	
3	Tổ chức thanh tra, kiểm tra, đánh giá công tác bảo đảm an ninh mạng của cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức chủ quản các hệ thống thông tin, CSDL trong và ngoài nhà nước có kết nối, khai thác dịch vụ dữ liệu dân cư và định danh, xác thực điện tử	Công an tỉnh	Các sở, ngành tỉnh, UBND các xã, phường	Thực hiện thường xuyên	Các hệ thống được kiểm tra đảm bảo an ninh, an toàn
4	Đánh giá mức độ hài lòng trong giải TTHC, kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp trên ứng dụng VNeID và đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao dựa trên kết quả chấm điểm trên phần mềm theo dõi giám sát Đề án 06 ( <a href="https://dean06.vn">https://dean06.vn</a> ) để đánh giá tại các Phiên họp của UBND tỉnh hàng tháng	Công an tỉnh	Các sở, ngành tỉnh, UBND các xã, phường	Thực hiện thường xuyên	